TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2025/DS-PT
Ngày: 22 – 8 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Quảng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Bé

Bà Mai Vương Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2025/DS-PT ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 173/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 326/2025/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng S, sinh năm 1985, địa chỉ: số 731 đường T, phường L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Thùy D, sinh năm 1991, địa chỉ: K339/02 đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ cư trú hiện nay: Số 03 Đường số 1, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Lương Thị H, sinh năm 1999, địa chỉ: Số 326 đường C, phường T, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy uỷ quyền lập ngày 29/10/2024 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Quốc Cường, Thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Ngọc B, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 74 đường P, phường T, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ hiện nay: Số 31 đường Đ, phường N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt khi tuyên án.

4. Người kháng cáo: Bà Võ Thị Thuỳ D, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện bà Phạm Thị Hồng S yêu cầu bà Võ Thị Thuỳ D trả số tiền 4.816.600.000 đồng, trong đó: Nợ gốc là 2.500.000.000 đồng, nợ lãi là 2.316.600.000 đồng theo mức lãi suất 2 bên thỏa thuận là 0,15%/ngày.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm bà S xác định bà cho bà D vay tiền nhiều lần với lãi suất 0,15%/ngày để đáo hạn ngân hàng, vay thời gian ngắn, gốc và lãi trả dứt điểm cho mỗi đợt vay. Số tiền bà khởi kiện bà D 2.500.000.000 đồng cho vay bằng hình thức chuyển vào tài khoản số 1903620185… của bà Võ Thị Thùy D mở tại Ngân hàng TMCP K, cụ thể như sau:

Ngày 02/11/2022 cho vay 2.000.000.000 đồng; ngày 25/11/2022 cho vay 200.000.000 đồng. Ngày 26/12/2022 cho vay 600.000.000 đồng, được chuyển vào tài khoản bà D 2 lần (lần 1: 200.000.000 đồng, lần 2: 400.000.000 đồng). Tổng cộng số tiền cho vay là 2.800.000.000 đồng. Bà D đã trả: Ngày 08/12/2022 trả 200.000.000 đồng và 4.200.000 đồng tiền lãi; ngày 17/12/2022 trả 100.000.000 đồng và lãi 2.700.000 đồng. Số tiền 2.500.000.000 đồng còn lại bà D xác nhận qua tin nhắn SMS, Zalo từ số điện thoại của bà D đang sử dụng, hẹn trả nhiều lần nhưng chưa trả. Vào ngày 02/4/2023 bà S có gặp vợ chồng bà D, bà D hẹn đến tháng 5/2023 sẽ trả gốc và lãi, đồng thời bà có quay video hình ảnh bà D xác nhận nợ, cam kết trả nợ nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như cam kết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, sau khi đối chiếu lại số tiền bà D đã trả, bà S yêu cầu bà D trả 2.469.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 26/12/2022 đến 31/3/2025 với mức 10%/năm, được án sơ thẩm giải quyết là 534.000.000 đồng.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Võ Thị Thuỳ D, bà Lương Thị H trình bày sau khi đối chiếu nợ, bị đơn xác định còn nợ bà S số tiền gốc là 2.469.000.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền này bà D đã chuyển giao cho bà Phạm Thị Ngọc B nên bà B có trách nhiệm trả bà S cả gốc và lãi. Bà D không còn nghĩa vụ trả nợ bà S.

Bà Phạm Thị Ngọc B trình bày có quan hệ làm ăn vay tiền với bà D trong năm 2022. Bà D có làm đơn yêu cầu cơ quan Công an giải quyết và đã được cơ quan chức năng làm rõ. Bà D nợ tiền bà S 2.500.000.000 đồng thời điểm cuối năm 2022, bà D có nói bà B chịu trách nhiệm trả thay, tuy nhiên bà B không đồng ý, vì bà B không có quan hệ giao dịch vay tiền bà S, bà B vay tiền bà D nên sẽ có trách nhiệm trả bà D, còn việc bà D nợ tiền bà S thì bà D có trách nhiệm trả.

Với nội dung vụ án như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử buộc bà Võ Thị Thùy D trả bà Phạm Thị Hồng S số tiền là 3.003.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 2.469.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 26/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/3/2025 là 534.000.000 đồng.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm; quyền kháng cáo của các đương sự, tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm.

Ngày 14/4/2025, bị đơn bà Võ Thị Thuỳ D có đơn kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm chưa đánh giá toàn diện tài liệu, chứng cứ bà D đã cung cấp, tuyên

buộc bà phải trả cho bà Phạm Thị Hồng S số tiền 3.003.000.000 đồng là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

* Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn giữ nguyên kháng cáo, đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về quan điểm giải quyết: Bị đơn cho rằng số nợ gốc 2.469.000.000 đồng đã chuyển nghĩa vụ sang cho bà B là không có căn cứ, mà cần xác định nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi thuộc về bị đơn bà Võ Thị Thuỳ D. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn xác định số tiền lãi bị đơn đã trả được trừ vào nợ gốc và chỉ yêu cầu trả nợ gốc 2.400.000.000 đồng; tiền lãi tính từ ngày 27/12/2022 đến ngày 31/3/2025, số tiền 400.000.000 đồng, tổng cộng 2.800.000.000 đồng. Nguyên đơn tự nguyện giảm nợ gốc và tính lãi thấp hơn quy định của pháp luật, có lợi cho bị đơn, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án sơ thẩm, chấp nhận số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Võ Thị Thuỳ D trong thời hạn kháng cáo, đảm bảo nội dung, hình thức theo quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy:

[2.1] Theo đơn kháng cáo cũng như trình bày tại phiên tòa phúc thẩm bà D thừa nhận có vay số tiền 2.500.000.000 đồng như bà S trình bày bằng hình thức bà S chuyển tiền vào tài khoản số 1903620185… của bà D mở tại Ngân hàng TMCP K, sau khi trừ số tiền đã thanh toán, bà D xác định số nợ gốc còn lại là 2.469.000.000 đồng. Bà D thừa nhận vay bà S số tiền trên nhưng cho rằng đã chuyển nghĩa vụ trả nợ sang bà B nên bà B có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đối với bà S. Cơ sở để bà D cho rằng đã chuyển nghĩa vụ trả nợ sang bà B vì bà vay tiền bà S về cho bà B vay lại để hưởng lãi suất chênh lệch, bà S biết như vậy. Khi bà D không trả được nợ, bà có trình bày với bà S về việc cho bà B vay nhưng không trả, thì bà và bà S đi đến gặp bà B và bà B có hứa trả tiền cho bà S. Thực tế bà B đã trả được 20.000.000 đồng, bà S trả 11.000.000 đồng, nên số tiền còn lại 2.469.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên.

Trong khi đó bà B không thừa nhận nghĩa vụ trả nợ thay cho bà D, bà B có trả 20.000.000 đồng cho bà S là theo yêu cầu của bà D khi bà D bà S đến gặp yêu cầu trả nợ.

Bà Phạm Thị Hồng S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà D, không chấp nhận ý kiến bà D là đã chuyển nghĩa vụ trả nợ sang bà B, cho rằng cho bà D vay, tiền vay được chuyển vào tài khoản bà D nên bà D có nghĩa vụ trả. Khi bà D không trả được nợ bà S có đi cùng bà D đến gặp bà B để hỗ trợ bà D thu nợ trả cho bà S. Bà B có hứa sẽ trả nợ, có trả 20.000.000 đồng bà S nhận và được xem là bà B trả thay bà D. Bà S cho rằng khi bà D không có khả năng trả nợ, bất kỳ ai đứng ra trả tiền thay cho bà D thì bà đều nhận và trừ vào số nợ của bà D, số nợ còn lại người vay trực tiếp bà D phải có nghĩa vụ phải trả.

[2.2] Xét thấy bà D vay tiền bà S, tiền vay được chuyển vào tài khoản bà D nên bà D có nghĩa vụ trả nợ, do vậy án sơ thẩm tuyên buộc bà D trả bà S 2.469.000.000 đồng nợ gốc là có căn cứ quy định pháp luật. Bà D không đưa ra được chứng cứ về việc bà S đồng ý cho bà D chuyển nghĩa vụ trả nợ sang cho bà B theo quy định tại Điều 370 Bộ luật Dân sự. Việc bà B trả 20.000.000 đồng cho bà S chưa đủ căn cứ để cho rằng bà S đã đồng ý cho bà D chuyển nghĩa vụ trả nợ sang cho bà B, do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của bà D.

[2.3] Bà S xác định cho bà D vay để đáo hạn ngân hàng, lãi suất 0,15%/ ngày, tương đương 54,7%/năm là vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự về lãi suất cho vay. Tại phiên tòa phúc thẩm bà S xác định cho vay thời gian ngắn với lãi suất như trên và đã nhận được số tiền lãi của số tiền 2.500.000.000 đồng là 90.900.000 đồng, nay bà trừ vào số nợ gốc và chỉ yêu cầu bà D trả số nợ gốc là 2.400.000.000 đồng.

Đối với tiền lãi, án sơ thẩm tuyên xử bà D trả số tiền lãi từ ngày 26/12/2022 đến 31/3/2025 là 534.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà yêu cầu bà D trả lãi từ ngày 27/12/2022 đến ngày 31/3/2025 của số tiền 2.469.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm, do bà D đang gặp khó khăn nên bà chỉ yêu cầu bà D trả 400.000.000 đồng. Cả gốc và lãi bà D phải trả số tiền 2.800.000.000 đồng.

[2.4] Như nhận định trên, bà D vay tiền có lãi, có nghĩa vụ trả nợ gốc nên phải có nghĩa vụ trả lãi; lãi suất bà D yêu cầu thấp hơn quy định pháp luật, thời gian yêu cầu trả lãi là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S, sửa một phần Bản án sơ thẩm, buộc bà D trả bà S tổng cộng 2.800.000.000 đồng như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa là có căn cứ quy định tại Điều 280, Điều 357 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Võ Thị Thuỳ D phải chịu trên số tiền phải trả theo án phúc thẩm là 88.000.000 đồng. Do sửa án sơ thẩm nên bà D không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Võ Thị Thuỳ D. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng S đối với bị đơn bà Võ Thị Thuỳ D.

Xử: Buộc bà Võ Thị Thuỳ D phải trả bà Phạm Thị Hồng S 2.800.000.000 đ *(hai tỷ tám trăm triệu đồng)*, trong đó: nợ gốc là 2.400.000.000 đồng, tiền lãi là 400.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 88.000.000 đồng bà Võ Thị Thuỳ D phải chịu.

Hoàn trả bà Phạm Thị Hồng S 56.408.300 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005839 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3.

Hoàn trả bà Võ Thị Thuỳ D 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp (bà Lương Thị H, người đại diện theo ủy quyền của bà D nộp) theo biên lai thu số 0006383 ngày 23/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND khu vực 3- Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tổ nghiệp vụ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Trần Đình Quảng